

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Thanh Tân

Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt ngày 16/5/2023).

Nơi ĐKTT: Số I, đường Đ, Khóm D, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số F, đường Đ, Khóm C, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

- Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Số I, đường Đ, Khóm D, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số F, đường Đ, Khóm C, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

- Về hôn nhân:

Chị và anh H tự tìm hiểu khoảng 06 tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1996 và chung sống với nhau nhưng đến ngày 22/11/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H1, thị xã V (nay là thành phố V, tỉnh Vinh Long).

Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc khoảng 14 năm. Đến năm 2010, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh H không lo cho gia đình, đi nhậu về chửi mắng, đánh đập và dùng vũ khí đe dọa chị nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình và chính quyền địa phương không tổ chức hòa giải mâu thuẫn của gia đình chị vì chị không trình báo. Tuy nhiên, chị đã nhiều lần khuyên anh H sửa đổi, lo làm ăn để lo cho gia đình nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị có báo cho anh H biết chị nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh H không có ý kiến. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về con chung: Quá trình hôn nhân chị và anh H có 01 con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 28/5/2004. Hiện Tuấn K đang chung sống với chị và đang học nghề lái xe, K đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H không có tài sản chung; không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P cam kết xin ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ và cam kết trình bày đúng sự thật, tự chịu trách nhiệm về tất cả lời trình bày của mình.

Bị đơn Dương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Văn H là được quyền khởi kiện. Anh H cư trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Chị P có Đơn xin vắng mặt đề ngày 16/5/2023; bị đơn Dương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cụ thể: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 25/5/2023, phiên tòa lần thứ hai ngày 15/6//2023 nhưng đều vắng mặt, không lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh H tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2002, số 154, quyền 01 tại Ủy ban nhân dân Phường H1, thị xã V (nay là thành phố V) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo lời trình bày của P và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định từ năm 2010 cuộc sống vợ chồng của chị P và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh H không chí thú làm ăn, không lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù chị P đã nhiều lần khuyên anh H sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh H và giữ nguyên cầu được ly hôn với anh H.

Bản thân anh H trực tiếp ký tên và nhận Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 05/4/2023 nhưng anh H vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập Biên bản hoãn hòa giải, công khai chứng cứ và mời lại lần hai lúc 14 giờ 00 phút ngày 24/4/2023 và tổng đạt cho Dương Tuấn K là con ruột của anh H nhận thay nhưng anh H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án lập Biên bản không tiến hành hòa giải được; đồng thời có thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 566/TB-TA ngày 24/4/2023 cho anh H trực tiếp nhận nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các yêu cầu, tình tiết sự kiện theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, anh H và chị P không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; anh H biết chị P yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến đoàn tụ hay phản bác gì, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Xử cho chị P và anh H ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Quá trình hôn nhân chị P và anh H có 01 con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 28/5/2004. Hiện nay Tuấn K đã trưởng thành, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H không có tài sản chung; không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo

biên lai thu số 0001917 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị P với anh Dương Văn H.

2. Về nuôi con chung: Quá trình hôn nhân chị P và anh H có 01 con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 28/5/2004. Tuấn K đã trưởng thành, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H không có tài sản chung; không có nợ chung, cũng không có ai nợ vợ chồng chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001917 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- H1, TP.
- (GCNKH số 154, quyền 01, ngày 22/11/2002);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận